

Bản án số: **31/2020/HS-ST**
Ngày 12/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Trung
2. Ông Hoàng Văn Đích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lý Đình Kiêm - Chức vụ: Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2020/HSST, ngày 03 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/HSST- QĐ ngày 15 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1993.

Nơi thường trú: T, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973, con bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất. Có chồng La Văn H, sinh năm 1992 và có 01 con, sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/11/2019 đến ngày 21/11/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1984

Trú tại: Xóm M, xã H, thị xã Phô Y, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Chị Nguyễn Thị Q sinh năm 1983

Trú tại: Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Chị Triệu Thị T, sinh năm 1984

Trú tại: Tiểu khu L, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đồng Văn T, sinh năm 1979

Trú tại: Xóm N, xã H, thị xã Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1990

Trú tại: Xóm V, xã T, thị xã Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Anh Lưu Văn Q, sinh năm 1984

Trú tại: Xóm T, xã P, thị xã Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2019, Nguyễn Thị D đến làm công nhân của một số công ty tại Khu công nghiệp Diêm Thụy thuộc xóm Trung 2, xã Diêm Thụy, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Trong thời gian làm việc, D đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của công nhân đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Trong thời gian tháng 10 năm 2019 D làm công nhân tại công ty New one Tech. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/10/2019, D đi vào khu vực phòng để đồ cá nhân của công nhân công ty để lấy đồ cá nhân gửi tại đó. Tại đây, D quan sát thấy ngăn tủ đựng đồ cá nhân của chị Triệu Thị T, không khóa nên D đã mở cánh tủ ra mục đích nếu có tài sản thì trộm cắp. Khi mở cánh tủ ra D thấy có một chiếc túi da màu đen, D mở túi ra thì thấy bên trong túi có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max. Thấy vậy, D đã lấy chiếc điện thoại trên cất vào túi quần đang mặc rồi đem đến một quầy mua bán điện thoại di động ở khu vực chợ Samsung thuộc thị xã Phổ Y bán cho một người không quen biết được số tiền 3.000.000 đồng, số tiền trên D đã ăn tiêu hết.

Vụ thứ hai: Buổi sáng ngày 29/10/2019, D đến công ty KH VATECH (thời điểm này D làm việc tại công ty KH VATECH) để làm việc. Khi đến nơi, D đến khu vực tủ để đồ của công nhân mục đích tìm tài sản để trộm cắp. D quan sát thấy tủ đựng đồ cá nhân của chị Nguyễn Thị Q không khóa nên D đã mở cánh tủ ra, D phát hiện trong tủ có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3 của chị Q đang để tại đó. Thấy vậy, D đã lấy trộm chiếc điện thoại trên cất giấu trong tủ của mình. Sau khi hết giờ làm việc, D đã đem đến bán cho anh Đồng Văn T được số tiền 400.000 đồng, số tiền trên D đã ăn tiêu hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 08h ngày 12/11/2019, D một mình đến công ty KH VATECH để trả đồ cho công ty vì D xin nghỉ việc. Khi đến nơi, D đi vào khu vực để đồ cá nhân của công nhân công ty, khu vực đây hành lang tại xưởng sản xuất. Tại đây, D đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của công nhân trong các tủ đựng đồ cá nhân. Lúc này D quan sát thấy tủ đựng đồ của anh Lưu Văn Q không khóa cửa nên D đã tiến đến gần rồi mở tủ ra lục tìm tài sản thì phát hiện thấy trong tủ có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung A6, đây là chiếc điện thoại di động của anh Nguyễn Văn D gửi tại tủ đựng đồ của anh Lưu Văn Q. Thấy vậy D đã cầm chiếc điện thoại trên cất giấu vào túi nilon đem theo từ trước. Cùng lúc này anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Thanh B là nhân viên an ninh của công ty phát hiện nên đã giữ D lại và trình báo Công an huyện P lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với D và thu giữ vật chứng.

Tại bản kết luận định giá số 66/KL-ĐG ngày 12/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận chiếc điện thoại di động Samsung A6+ màu đen của anh Nguyễn Văn D có giá trị 2.200.000 đồng

Tại bản kết luận định giá số 72/KL-ĐG ngày 22/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone loại XS Max 256GB của chị Triệu Thị T có giá trị 16.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá số 73/KL-ĐG ngày 22/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3 màu trắng của chị Nguyễn Thị Q có giá trị 1000.000 đồng.

Tổng tài sản mà Nguyễn Thị D đã trộm cắp có giá trị 19.200.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án gồm:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A6 màu đen đã qua sử dụng, hiện đã được trả lại cho anh Nguyễn Văn D là chủ sở hữu sử dụng, bảo quản; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6, 01 túi nilon màu đỏ, 100.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 01 xe mô tô màu xanh BKS 22K3 – 7885, 01 đĩa CD được niêm phong trong bì thư ký hiệu “C”. Hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Công an huyện P chờ xử lý.

Bản cáo trạng số 34/CT-VKSPB, ngày 27/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận: Giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị với Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Văn D đã nhận lại tài sản bị mất là chiếc điện thoại di động Samsung A6+ màu đen và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; chị Nguyễn Thị Q và chị Triệu Thị T đã được bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại bị mất theo giá trị định giá lần lượt là 1.000.000đ, 16.000.000đ và đều không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm do đó không xem xét giải quyết.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải nộp án phí HSST.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và lời khai đó có căn cứ chấp nhận vì đã đúng như nội D cáo trạng truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với đơn trình báo của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 11/2019 tại khu vực xóm Trung 2, xã Diêm Thụy, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Thị D đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 17/10/2019 D đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SX Max của chị Triệu Thị T là công nhân của công ty New one tech, tài sản có giá trị là 16.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 29/10/2019 D trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J3 của chị Triệu Thị Q, tài sản có giá trị 1000.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 12/11/2019 D tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A6 của anh Nguyễn Văn D, tài sản có trị giá 2.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà D trộm cắp là 19.200.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội D của Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ của tội phạm là ít nghiêm trọng, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định về an ninh trật tự ở địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục thiệt hại cho các bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét nhân thân, tính chất, mức độ tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Hội đồng xét xử thấy mặc dù bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng trong khoảng thời gian rất ngắn bị cáo đã liên tiếp thực hiện ba vụ trộm cắp tài sản, địa điểm thực hiện tội phạm lại là các công ty tại khu công nghiệp Diêm Thụy, phạm tội nhiều lần với cùng loại hành vi, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh của địa phương và gây tâm lý bất an cho các chủ doanh nghiệp muốn đầu tư, phát triển kinh tế tại địa phương. Do đó cần lên một mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và cần thiết áp dụng biện pháp cải tạo cách ly ra khỏi xã hội đối với bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản là điện thoại di động các loại của anh Nguyễn Văn D, chị Triệu Thị T và chị Nguyễn Thị Q. Hiện tài sản là chiếc điện thoại di động Samsung A6+ màu đen đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là anh D. Còn tài sản của chị T là chiếc điện thoại di động Iphone XS Max, tài sản của chị Q là chiếc điện thoại di động Samsung J3 hiện không thu hồi được tuy nhiên bị cáo đã tự nguyện bồi thường bằng tiền theo giá trị định giá cho chị T số tiền là 16.000.000đ, chị Q là 1.000.000đ. Các bị hại anh

D, chị T, chị Q không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

Đối với vật chứng là 01 (một) túi nilon màu đỏ, xét thấy đây là vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với vật chứng là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội xét thấy cần trả lại bị cáo gồm: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6.

Đối với số tiền 100.000đ của bị cáo Nguyễn Thị D xét thấy cần thiết tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Đối với 01 xe mô tô màu xanh BKS 22K3-7885 của bị cáo D, xét thấy không liên quan đến hành vi tội phạm. Do đó cần trả lại cho bị cáo.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[8] Đối với anh Đồng Văn T là người đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3, tuy nhiên trong quá trình điều tra không đủ căn cứ để xác định Tuấn có hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không xử lý.

Đối với việc chị D Thị Q khai bị mất số tiền 100.000 đồng tuy nhiên trong quá trình điều tra không có chứng cứ, tài liệu để chứng minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không xem xét xử lý.

[9] Về án phí: Cần buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt Nguyễn Thị D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi nilon màu đỏ.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6; 01 xe mô tô nhãn hiệu SALUT, vỏ bên ngoài nhãn hiệu Wawe đã thay thế màu xanh BKS: 22K3- 7885 (tình trạng như biên bản giao vật chứng)

- Tạm giữ số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Thị D để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/5/ 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P và ủy nhiệm chỉ số 78 ngày 05/05/2020).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST sung quỹ Nhà nước.

5. Thông báo về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo Nguyễn Thị D. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại anh Nguyễn Văn D, chị Triệu Thị T, chị Nguyễn Thị Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đồng Văn T. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Lý